

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 4 – 2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Giang.

2. Ông Nguyễn Minh Sỹ.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 401/2024/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị P, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Hiện đang sinh sống tại ấp Tắc Năm Căn A, xã Đ, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Giang Minh H, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Lê Thị P và anh Giang Minh H tự nguyện chung sống với nhau năm 1996 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu, anh chị chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân anh H có hành vi đánh đập, xúc phạm chị P và bị Tòa án ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, hiện anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay nên chị P xin ly hôn với anh H. Đối với anh H không đồng ý ly hôn với chị P, vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị P và hứa sẽ sửa đổi không đánh đập, không xúc phạm chị P nữa.

Về con chung, chị P và anh H chung sống với nhau có 03 người con chung là Giang Thị Thủy Anh, sinh ngày 06/01/1997 và Giang Thị Anh Thư, sinh ngày 24/02/2000; Giang Thị Yến Nhi, sinh ngày 16/8/2001. Hiện cháu Thủy Anh, Anh Thư đã trưởng thành và có gia đình riêng, tự tham gia lao động, nuôi sống bản thân được nên anh H, chị P không yêu cầu Tòa án xem xét. Riêng cháu Nhi là người khuyết tật dạng tâm thần đặt biệt nặng, mất năng lực hành vi và không thể tự chủ được trong sinh hoạt hàng ngày mà cần phải có người chăm sóc, hiện cháu Nhi đang chung sống với chị P nên khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử, cấp dưỡng hàng tháng. Riêng anh H đồng ý giao cháu Nhi cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, chị P không có khả năng nuôi con thì anh H nhận nuôi cháu Nhi, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị P thay đổi ý kiến không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, anh H và chị P thống nhất tổng giá trị tài sản chung là 80.000.000 đồng bao gồm các tài sản chị P đang quản lý và căn nhà anh H đang quản lý. Hiện anh chị đã tự thỏa thuận phân chia xong, cụ thể: Chị P được quản lý, sử dụng 01 vỏ máy chạy, 01 tủ lạnh, 01 giường ngủ và 01 bộ ván, tổng giá trị là 20.000.000 đồng; Anh H quản lý căn nhà có giá trị 60.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, có nợ bà Võ Thị Lan (vợ ông Út Mười Một) số tiền hui là 16.000.000 đồng nhưng do giá trị tài sản anh H nhận cao hơn so với chị P nên anh H nhận trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho bà Lan mà không yêu cầu chị P cùng có trách nhiệm trả, riêng bà Lan đã có lời khai đồng ý việc anh H nhận trách nhiệm trả nợ cho bà. Tuy nhiên, bà Lan không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bà Võ Thị Lan (vợ ông Út Mười Một) đã có lời khai và đồng ý việc ông Giang Minh H (bị đơn) nhận trách nhiệm trả số tiền hui còn nợ là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng), không yêu cầu chị Lê Thị P (nguyên đơn) trả nợ nhưng bà Lan không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không đưa bà Lan vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[2] Về hôn nhân, các đương sự chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét mâu thuẫn thực tế được các đương sự thừa nhận là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên mà các đương sự đã sống ly thân với nhau từ tháng 11/2023 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Tuy bị đơn không đồng ý ly hôn và xác định vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nhưng từ khi biết được nguyên đơn khởi kiện cho đến tại phiên xử, bị đơn không tác động được nguyên đơn thay đổi ý kiến để trở lại chung sống với bị đơn, không đưa ra được

giải pháp hàn gắn mối quan hệ hôn nhân vốn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong khi nguyên đơn không đồng ý tiếp tục chung sống bị đơn. Trường hợp Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu, nguyên đơn cũng không chung sống với bị đơn. Do đó, có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn được chấp nhận.

[2] Về con chung, các đương sự thỏa thuận thống nhất việc giao cháu Nhi cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội bởi cháu Nhi là nữ giới lại bị khuyết tật dạng tâm thần đặt biệt nặng, mất năng lực hành vi, không thể tự chủ được trong sinh hoạt hàng ngày mà cần phải có người chăm sóc và hiện đang hưởng trợ cấp xã hội nên giao cháu Nhi cho chị Phượng nuôi dưỡng là có cơ sở. Riêng cháu Thủy Anh và Anh Thư đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân được nên Hội đồng không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái. Tuy đã được Hội đồng xét xử giải thích việc cấp dưỡng nuôi con nhưng nguyên đơn không yêu cầu – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của đương sự nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, các đương sự đã thỏa thuận thống nhất và đã phân chia xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung, bà Võ Thị Lan đồng ý việc bị đơn nhận trả số tiền nợ hui là 16.000.000 đồng nhưng giữa bà Lan với bị đơn tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp giữa bà Lan với bị đơn không thỏa thuận được thì bà Lan có quyền khởi kiện bị đơn ở vụ án dân sự khác.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị P về việc xin ly hôn anh Giang Minh H.
- Về con chung là Giang Thị Thủy Anh, sinh ngày 06/01/1997; Giang Thị Anh Thư, sinh ngày 24/02/2000 và Giang Thị Yến Nhi, sinh ngày 16/8/2001. Hiện cháu Thủy Anh, Anh Thư đã trưởng thành, tự lao động, nuôi sống bản thân được nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Nhi hiện đang chung sống với chị Lê Thị P nên

khi ly hôn, tiếp tục giao cháu Nhi cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Giang Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, anh Giang Minh H và chị Lê Thị P đã thỏa thuận phân chia xong nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, giữa bà Võ Thị Lan và anh Giang Minh H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Lê Thị P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 30/12/2024, chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003709 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã V,
huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân**